

PHÂN BỐ THỜI GIAN NÓI TRONG TIẾT HỌC TIẾNG ANH LỚP 1 VÀ 2 TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Lê Thúc Chung

Trường Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Huế
Email: thucchungngoingu@gmail.com

Article history

Received: 14/8/2023

Accepted: 29/9/2023

Published: 05/12/2023

Keywords

Teacher talking time, student talking time, teaching English, grades 1 and 2

ABSTRACT

Teaching English as an elective subject in grades 1 and 2 has been widely implemented and has achieved many positive results, meeting the goals of the 2018 General Education Curriculum. Pilot teaching in many educational institutions has revealed numerous difficulties for teachers in helping learners actively participate in learning activities and transmit the active role from teachers to students. The study collected quantitative and qualitative data from 40 teachers and 60 grade 1 and 2 students using two tools: questionnaire and interview. Research shows that balancing “student talking time” and “teacher talking time” in a learner-centered way is very important and should be done early to create a cutting-edge curriculum, progress, and meet the goals of education that Vietnam is aiming for. The result can be extended to apply to teaching other subjects at the elementary level..

1. Mở đầu

Theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh năm 2018, từ năm học 2022-2023, môn Tiếng Anh sẽ triển khai bắt buộc với HS tiểu học từ lớp 3 đến lớp 5; riêng các trường có điều kiện, đủ GV sẽ tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn đối với khối lớp 1, lớp 2. Thông qua việc học Tiếng Anh, người học sẽ được cung cấp một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân (Lê Thị Thu Liễu và cộng sự, 2014; Bộ GD-ĐT, 2018). Thực tế cho thấy, xu hướng các trường tiến hành việc dạy học Tiếng Anh cho HS ở khối lớp 1, 2 ngày càng tăng và đạt được rất nhiều những kết quả khả quan (Nguyễn Lộc và Phạm Nguyễn Trung Hậu, 2021). Tuy nhiên, theo khảo sát ý kiến GV trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, phần lớn GV vẫn đang gặp phải nhiều khó khăn trong việc phân bổ thời gian dạy học và thời gian tham gia của HS trong một tiết học. Bài báo này trình bày kết quả khảo sát thực trạng phân bổ thời gian nói của HS và GV, đồng thời xác định yếu tố ảnh hưởng tới sự chênh lệch giữa thời gian nói của HS và GV trong tiết học Tiếng Anh lớp 1, 2. Từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy “lượng” tương tác của HS và giảm “lượng” trình bày của GV trong giờ học nhằm tối đa hoá hiệu quả giờ học, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Đặc điểm học sinh khối lớp 1 và 2

Theo Nunan (2010), đặc điểm chính của người học ở lứa tuổi từ 6-8 tuổi này chính là sự nhiệt tình, hào hứng và tích cực trong việc học, học thông qua trò chơi, hay các hoạt động có tính tương tác. Tuy nhiên, người học chỉ có khả năng tập trung trong thời gian ngắn, kiến thức tiếp thu được phải thông qua những các tình huống quen thuộc xung quanh chủ thể. Ở lứa tuổi này, trẻ sẽ phản ứng rõ thông qua ngôn ngữ, hành vi để phản ánh mức độ yêu thích và hào hứng với môn học. Trong giai đoạn trẻ đang xây dựng những kỹ năng cơ bản của tiếng mẹ đẻ như đọc, viết, thì nên để trẻ lĩnh hội ngôn ngữ ngôn ngữ một cách tự nhiên hơn là lĩnh hội ngôn ngữ một cách có chủ đích. Vì vậy, để giảng dạy tiếng Anh thành công, việc hiểu các đặc điểm, bản năng và sở thích của người học trong khía cạnh nhận thức, ngôn ngữ và cảm xúc là điều rất quan trọng đối với GV.

2.1.2. Dạy môn Tiếng Anh (với vai trò ngoại ngữ) cho học sinh lớp 1 và 2

Theo Riley (2006), trẻ từ 6-8 tuổi gặp nhiều khó khăn khi sắp xếp các từ vựng đã có để tạo thành các mẫu câu cần khi giao tiếp. Do đó, việc dạy tiếng Anh cho HS lớp 1, 2 sẽ là thách thức đối với các GV chưa được đào tạo về phương pháp dạy học phù hợp với nhận thức và tâm lý trẻ. Cicerchia (2020) đã chỉ ra 3 phương pháp dạy học ngoại ngữ phổ biến và hiệu quả nhất cho HS trong giai đoạn này bao gồm phương pháp tiếp cận toàn bộ từ, tiếp cận trải

nghiệm ngôn ngữ và tiếp cận ngữ âm. Cụ thể: (1) Phương pháp tiếp cận toàn bộ từ: HS sẽ nhìn vào các từ đơn lẻ trên thẻ để nhận diện toàn bộ từ nhanh chóng (Cameron, 2001); (2) Phương pháp tiếp cận trải nghiệm ngôn ngữ: HS sẽ bắt đầu đọc ở cấp độ câu và sẽ sử dụng trải nghiệm của chính mình làm chủ đề của văn bản. HS được học dưới dạng từ hoàn chỉnh, các câu hay toàn bộ câu chuyện; (3) Phương pháp tiếp cận ngữ âm: GV sẽ nhấn mạnh vào việc dạy HS ghép các âm của các chữ cái riêng lẻ trong bảng chữ cái để tìm ra cách đọc, như đánh vần các từ mới và sẽ đọc một cách độc lập. Sau đó, HS sẽ có thể kết hợp hai chữ cái lại với nhau để tạo thành các từ đơn giản, sau đó là ba đến bốn chữ cái,... (Riley, 1999).

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 được xây dựng để giúp cho HS làm quen trong bối cảnh môn học Tiếng Anh được đưa vào chương trình học chính thức cho HS tiểu học bắt đầu từ lớp 3. HS bước đầu có nhận thức đơn giản nhất về tiếng Anh như một ngoại ngữ; từ đó làm quen, khám phá và trải nghiệm để hình thành kỹ năng tiếng cơ bản, đặc biệt là 2 kỹ năng nghe và nói. Đồng thời, chương trình còn xây dựng niềm hứng thú và yêu thích ở trẻ với bộ môn Tiếng Anh.

2.1.3. Khái niệm “thời gian nói của giáo viên” (Teacher talking time) và “thời gian nói của học sinh” (Student talking time)

Theo Kareema (2014), cách để học tập và dạy học môn Tiếng Anh đạt hiệu quả chính là từ việc sử dụng thường xuyên ngôn ngữ này. Trong một lớp học tiếng Anh, sự tương tác và trao đổi thông tin giữa HS và GV là yếu tố mang tính quyết định đến sự thành công. Từ đó hình thành nên hai khái niệm quan trọng trong một tiết học, đó là “thời gian nói của GV” (Teacher talking time) và “thời gian nói của HS” (Student talking time). Đây cũng là một thước đo quan trọng để xác định rõ hơn trung tâm của lớp học thực sự là ai. “Thời gian nói của GV” là thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục dùng để mô tả thời gian mà GV dành để nói, để giảng bài trong giờ học. Thuật ngữ này đo lường tỉ lệ thời gian GV nói so với thời gian HS tham gia hoạt động tương tác, nêu ý kiến và thực hành ngôn ngữ. Nếu tỉ lệ “thời gian nói của GV” chênh lệch quá cao so với “thời gian nói của HS”, điều này đồng nghĩa với việc GV mất quá nhiều thời gian trong việc trình bày và đồng thời sẽ thu hẹp lại cơ hội được giao tiếp, được nói của HS. Điều này làm mờ đi vai trò trung tâm trong tiết học của HS khi các em sẽ không còn là những người chủ động để tiếp nhận kiến thức nữa. Ngoài ra, “thời gian nói của GV” đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý lớp học và phân phối thời gian giữa giảng dạy và HS tham gia. “Thời gian nói của GV” cao có thể dẫn đến sự mất cân bằng trong việc truyền đạt kiến thức và gây hạn chế cho HS thực hành, giao tiếp và phát triển các kỹ năng khác. Về phía HS, Cardenas (2013) cho rằng “thời gian nói của HS” là thuật ngữ dùng để mô tả thời gian mà HS được nói, được trình bày ý kiến bằng ngôn ngữ đích, được vận dụng bài học vào quá trình tương tác với GV và bạn cùng lớp. Nếu “thời gian nói của HS” giữ một tỉ lệ ở mức cao, HS sẽ có nhiều cơ hội tham gia và tương tác, đồng thời xây dựng khả năng ngôn ngữ và giải quyết vấn đề.

Cardenas (2013) chỉ ra rằng, việc cân nhắc đến “thời gian nói của GV” và “thời gian nói của HS” có ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng của một buổi học. Hơn nữa, nghiên cứu này cũng nhấn mạnh việc so sánh hai khái niệm trong đánh giá mức độ tiếp nhận kiến thức của trẻ là không cần thiết.

Theo Allwright (1981), nếu một GV nói và làm việc quá nhiều trong một tiết học thì chắc chắn sẽ không thể đảm bảo được sự thành công của tiết học đó. Nghiên cứu cũng chỉ ra tầm quan trọng trong việc GV tạo điều kiện và thúc đẩy cho HS làm việc nhiều hơn. Nunan (1999) cũng đã đồng ý với nhận định trên khi chỉ ra rằng việc lạm dụng nói, giảng dạy của GV sẽ không giúp phát triển kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng ngôn ngữ của trẻ.

Nếu GV chỉ tập trung nói và giảng bài suốt thời gian học, điều này có thể tạo nên tính thụ động khi tiếp nhận thông tin từ HS. HS sẽ không có thói quen tương tác hoặc không tham gia tích cực vào quá trình học. Mặt khác, khi HS có nhiều cơ hội được tham gia và phát biểu trong giờ học, GV có thể tạo ra một môi trường học tập tích cực và mang tính chủ động cho HS. HS có cơ hội được áp dụng kiến thức đã học, phát triển khả năng ghi nhớ, lối tư duy và kỹ năng giao tiếp.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng phân bố thời gian nói tiếng Anh của giáo viên và học sinh khối lớp 1 và 2 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Khảo sát được thực hiện tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với 40 GV đang phụ trách môn Tiếng Anh tại trường và 60 HS, là các HS khối lớp 1, 2. Các số liệu thống kê phục vụ cho khảo sát được thu thập trong năm học 2022-2023. Việc chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Tất cả đối tượng đều tình nguyện tham gia khảo sát bằng cách trả lời bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Forms. Sau đó, dữ liệu được xử lý qua phần mềm Microsoft Excel. Bên cạnh đó, tác giả còn thực hiện phỏng vấn sâu một số GV và HS nhằm làm rõ hơn một số vấn đề, yếu tố cụ thể có trong bảng hỏi, đồng thời kết hợp với ghi âm lại các giờ dạy (45 phút/tiết).

- Về thực trạng phân bố thời gian nói giữa HS và GV trong giờ học:

+ Nhóm 1: 32% GV khi tham gia nghiên cứu tự đánh giá rằng thời gian GV hoạt động không có nhiều sự chênh lệch với thời gian HS được tham gia trong 1 tiết học. Các GV vẫn luôn ý thức cao trong việc để HS có nhiều cơ hội để trình bày, nêu ý kiến song vẫn gặp phải một số những khó khăn để tăng lượng “thời gian nói của HS” trong quá trình dạy.

+ Nhóm 2: 45% GV đánh giá rằng thời gian nói của GV chiếm ưu thế hơn thời gian của HS được nói. Trong những giờ học này, GV phải hoạt động rất nhiều trong suốt giờ học.

+ Nhóm 3: 23% GV còn lại tự đánh giá rằng họ đã dành nhiều thời gian vào thời gian HS được nói, được trình bày và tham gia vào lớp học.

- Về chất lượng của HS theo thực trạng phân bố thời gian nói giữa HS và GV trong giờ học:

+ Nhóm 1: HS phát triển đồng thời kỹ năng nghe, nói; có thể phát hiện, nhận biết và phản hồi bằng từ hay câu đơn giản. Hầu hết các HS có sự hứng thú, yêu thích khi học.

+ Nhóm 2: HS có sự phát triển kỹ năng ngôn ngữ nhưng chậm và không đồng đều; có thể nhận biết và nghe hiểu “tín hiệu” từ GV. Tuy nhiên, nhiều HS ở nhóm này không phát triển được kỹ năng nói và giao tiếp vì không có nhiều cơ hội ở trong buổi học. Nhiều GV chỉ ra rằng nhiều HS còn cảm thấy mệt mỏi, nhàm chán, và sẽ có xu hướng làm việc riêng như vẽ tranh, hoặc nói chuyện.

+ Nhóm 3: HS phát triển nhanh ở cả 2 kỹ năng nghe và nói vì có nhiều cơ hội được tương tác, ứng dụng kiến thức đã học với GV và các bạn học. HS xây dựng được sự đam mê và lòng yêu thích với tiếng Anh. Ngoài ra, HS còn phát triển được các kỹ năng tương tác, giao tiếp,... khi được tham gia nhiều trò chơi và hoạt động bổ ích.

2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự chênh lệch giữa thời gian nói của giáo viên và học sinh trong giờ học môn Tiếng Anh khối lớp 1 và 2

- Về phía HS:

+ Sự chênh lệch giữa năng lực của HS: Khả năng tiếp thu, sử dụng tiếng Anh của HS trong cùng 1 lớp học sẽ là khác nhau. Vì bản chất của hệ thống giáo dục ở trường học và tất cả các lớp học trong nghiên cứu lúc này là “giáo dục đại trà” nên GV sẽ hướng đến sự phát triển chung cho tất cả HS trong lớp.

+ Sự chênh lệch bắt nguồn từ phẩm chất của HS: HS ở các thành phố lớn tự tin hơn và sẵn lòng tham gia tương tác, trong khi những HS khác, đặc biệt các em ở vùng nông thôn có thể e ngại hoặc không tự tin khi nói tiếng Anh.

+ Mức độ quan tâm và động lực của HS đối với việc học tiếng Anh: Những HS có động lực cao và quan tâm đến việc nói tiếng Anh sẽ có xu hướng tham gia tích cực và sử dụng ngôn ngữ trong giờ học. Trong khi đó, những HS thiếu động lực và quan tâm có thể ít sẵn lòng tham gia vào các hoạt động nói.

Ngoài ra, để trả lời cho câu hỏi: “Vì sao HS muốn được phát biểu bài trong giờ học?”, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn các HS ở lớp 1 và 2 và thu được kết quả sau đây.

Bảng 1. Thống kê khảo sát về động lực để HS tham gia tương tác trong giờ học

Thực tế và động lực để HS tham gia xây dựng bài	Tỉ lệ (%)
Đã chuẩn bị bài ở nhà	63
Muốn nhận được lời khen	25
Muốn nhận được phần thưởng	85
Theo hiệu ứng đám đông	8
Muốn chia sẻ ý kiến	57

Bảng 1 cho thấy, điều kiện quan trọng để quyết định HS có sẵn sàng tham gia vào giờ học dựa trên việc chuẩn bị bài học trước ở nhà (63%). Chuẩn bị bài trước khi đến lớp giúp HS tiếp thu kiến thức tốt hơn và tận dụng thời gian học tập hiệu quả hơn. Đối với HS ở khối 1 và 2, việc chuẩn bị bài rất cần có sự đồng hành của phụ huynh để mang lại hiệu quả cao nhất. Khi đã chuẩn bị kiến thức đủ, HS sẽ tự tin và sẵn sàng để phát biểu ý kiến (57%). Ngoài ra, yếu tố “HS muốn được nhận lời khen” (25%) hay “Muốn nhận các phần thưởng từ GV” (85%) cũng là một động lực lớn để tham gia xây dựng bài. Lời khen và sự công nhận từ GV có thể tạo ra một cảm giác tự hào và động lực để HS cố gắng hơn trong quá trình học tập. Nếu HS đưa ra một đáp án chưa đúng thì việc GV đưa ra một phản hồi tích cực, có tính xây dựng là rất quan trọng. Điều này tạo ra một môi trường học tập tích cực và giúp HS mạnh dạn hợp tác tốt hơn với GV. Ngoài ra, trẻ sẽ thường học hỏi và bắt chước từ người khác để xây dựng nhận thức về thế giới và quy tắc xã hội. Khi thấy bạn khác giơ tay phát biểu, trẻ có thể đánh giá rằng hành động đó là phổ biến, được chấp nhận và muốn thể hiện sự tương tác và tham gia vào cùng với bạn khác (8%).

- Về phía GV:

+ Phương pháp giảng dạy: Cách giảng dạy của GV có thể tạo ra ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới tần suất phát biểu xây dựng bài của HS. Trường hợp GV đặt quá nhiều áp lực về nội dung giảng dạy và không dành đủ thời gian cho HS để tham gia và nói, sẽ làm người học trở nên thụ động. Nếu GV tập trung nhiều vào việc truyền đạt kiến thức mà ít tạo cơ hội cho HS tham gia, thì HS sẽ khó để ghi nhớ kiến thức vừa được học do không có cơ hội để áp dụng.

+ Tiến trình của bài học: Nghiên cứu của Kareema (2014) đã chỉ ra rằng GV nói nhiều hay ít sẽ dựa vào tiến trình của buổi học. Ví dụ, GV cần nói nhiều hơn khi bắt đầu một bài học mới để tạo không khí gần gũi và hứng khởi cho HS và sẽ nhường dần cơ hội được phát biểu, trình bày ý kiến cho HS để thực hành các kiến thức.

+ Tâm lí của GV: Cảm xúc của GV đối với việc thúc đẩy sự tham gia và phát triển kĩ năng nói của HS là rất quan trọng. Một GV luôn giữ tinh thần lạc quan, vui vẻ sẽ luôn khiến không khí lớp học trở nên thoải mái và HS sẽ tự tin bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình hơn. Nếu GV không khích lệ và không tạo điều kiện thuận lợi, HS có thể cảm thấy sợ hãi, xa cách và không muốn tương tác nhiều trong giờ học.

- *Môi trường học tập*: Môi trường học tập có thể ảnh hưởng đến mức độ thoải mái và tự tin của HS khi tham gia vào các hoạt động nói. Nếu môi trường không đảm bảo khuyến khích sự tham gia của HS, họ có thể khó lòng tự tin để nói và tham gia hoạt động. Theo Lê Thị Thu Liễu và cộng sự (2014), việc tạo ra môi trường học tập tốt có tác động đến kết quả học tập của HS. Trên cơ sở lí luận giáo dục, trẻ sẽ tiếp thu kiến thức tiếng tốt hơn thông qua những trải nghiệm từ các hoạt động cụ thể có sử dụng công cụ dạy học và các trang thiết bị hỗ trợ.

2.4. Một số khuyến nghị

2.4.1. Thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tích cực, phù hợp xu thế giáo dục hiện hành

- GV nên tạo một môi trường thoải mái để khuyến khích HS tự tin tham gia: Ở khối lớp 1 và 2, trẻ nên được học thông qua chơi, việc học ngoại ngữ cũng nên khuyến khích chứ không nên gắn liền với các áp lực điểm số, kết quả.

- Việc đánh giá năng lực HS nên được thực hiện ở hình thức đánh giá định hình (formative) chứ không phải đánh giá tổng kết (summative): GV ghi nhận thành tích của trẻ thông qua các hoạt động thường xuyên, định kì, ngoại khóa... thay vì những bài kiểm tra, đánh giá giữa và cuối mỗi học kì.

- Sử dụng phương pháp học tập tích cực: Thay vì giảng dạy theo các phương pháp truyền thống, GV có thể áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học tập nhóm, học thông qua trò chơi, vai trò chơi, hoạt động thảo luận,... Những hoạt động này khuyến khích HS tương tác, trao đổi và sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên.

- Đặt câu hỏi mở và khuyến khích thảo luận trong lớp học: GV nên lựa chọn một chủ đề gần gũi với HS ở độ tuổi này như gia đình, con vật, hoa quả,... và đặt ra những câu hỏi đơn giản để khuyến khích trẻ ghi nhớ và ứng dụng vào việc tương tác với bạn bè trong lớp.

- Lồng ghép hoạt động giao tiếp trong giờ học: GV nên tạo động lực cho HS sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động khác như thể dục, âm nhạc, nghệ thuật,... Điều này giúp HS thấy rằng tiếng Anh không chỉ là môn học riêng biệt mà là một phương tiện giao tiếp hàng ngày.

2.4.2. Tiếp cận các tài liệu và tài nguyên học tập phù hợp

- Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các trường được tự chủ trong việc lựa chọn bộ sách giáo khoa. Do đó, GV được tiếp cận và lựa chọn trong rất nhiều những bộ sách nổi tiếng như Global Success, Smart, Family & Friends,... GV bộ môn và nhà trường nên có sự xem xét để lựa chọn một bộ sách phù hợp với điều kiện, mặt bằng chung năng lực của HS.

- Chọn tài liệu và công cụ học tập phù hợp (âm nhạc, video, flashcard,...) để khuyến khích sự tương tác và thảo luận trong giờ học. Các tài liệu có chứa các hoạt động nhóm, cặp đôi hoặc nhiệm vụ thực tế sẽ giúp HS sử dụng tiếng Anh trong ngữ cảnh thực tế và phát triển kĩ năng giao tiếp.

- GV cần tích cực sử dụng các phần mềm hỗ trợ học tập như sachmem.vn, I-learn Smart Star, Beelingo,... Đồng thời, tăng cường cơ hội thực hành và giao tiếp tiếng Anh cho HS ngoài giờ học truyền thống.

2.4.3. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

- Để thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đội ngũ GV cần được bồi dưỡng thường xuyên và kịp thời. Sở và phòng GD-ĐT cần có những cập nhật để theo kịp xu thế dạy học mới thông qua các buổi hội thảo, chuyên đề và tập huấn.

- Các tổ ngoại ngữ ở đơn vị trường học cần tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kì để nắm bắt kịp thời chủ trương dạy học. Đồng thời, các GV còn có thể học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cùng đồng nghiệp.

- Chuẩn bị cho năm học 2023 - 2024, các phòng ban lãnh đạo cần phối hợp với các trường đại học Sư phạm hay các nhà xuất bản để tập huấn thay sách giáo khoa lớp 4 cho cán bộ quản lí, GV tiểu học trên địa bàn tỉnh.

2.4.4. Thay đổi vị trí, vai trò của giáo viên trong lớp học

- GV cần đóng vai trò như một người hướng dẫn để động viên, khuyến khích HS tham gia, khám phá và sử dụng tiếng Anh một cách tự tin. Bằng cách tạo ra một môi trường thích hợp và sử dụng các phương pháp học tập phù hợp, GV có thể thúc đẩy sự tương tác và phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của HS tiểu học.

- GV là người theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của HS một cách chính xác để nhận biết được các khía cạnh cần được củng cố và phát huy. Khi GV tạo ra một môi trường học tập cởi mở, khuyến khích tham gia và tương tác, HS có cơ hội phát triển kỹ năng và hiểu biết một cách toàn diện hơn.

3. Kết luận

Giáo dục Việt Nam đang tiến những bước dài trong cuộc đua với các nền giáo dục tiên tiến trong châu lục và trên thế giới. Việc cân nhắc giữa “thời gian nói của HS” và “thời gian nói của GV” theo hướng chú trọng vào người học là rất quan trọng và nên được thực hiện sớm nhằm tạo ra một chương trình học tiên tiến, đáp ứng với mục tiêu của giáo dục Việt Nam đang hướng tới. Bài báo đã nhấn mạnh tầm quan trọng cũng như các tác động tích cực khi GV dành nhiều thời gian hơn cho HS được nói, được tham gia phát triển trong lớp học. Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng việc chú trọng vào người học trong giáo dục là một hướng đi đúng đắn, khoa học và hiện đại. Nếu mỗi GV đều nắm chắc bản chất cốt lõi của giáo dục trong thời đại mới, họ sẽ mang lại những thay đổi tích cực cho cả toàn hệ thống giáo dục. Ngoài ra, bài báo còn chỉ ra những khó khăn còn tồn tại trong quá trình thực hiện dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Vì vậy, cần có sự quan tâm hơn nữa của các sở, ban, ngành, nhà trường và phụ huynh trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cho GV, HS để các tiết học Tiếng Anh khối lớp 1 và 2 đạt được hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo

- Allwright, R. L. (1981). What Do We Want Teaching Materials for. *English Language Teaching Journal*, 36(1), 5-18. <https://eric.ed.gov/?id=EJ252348>
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông chương trình môn Tiếng Anh* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Cameron, L. (2001). *Teaching languages to young learners*. Cambridge University Press.
- Cardenas, F. L. (2013). *Teacher talking time vs. student talking time: Fostering speaking in the EFL classroom*. Universidad Austral de Chile.
- Cicerchia, M. (2020). *Three methods of teaching reading*. Touch-type Read and Spell.
- Kareema, M. I. F. (2014). *Increasing student talk time in the ESL classroom: An investigation of teacher talk time and student talk time*. Conference: The International Symposium of SEUSL.
- Lê Thị Thu Liễu, Nguyễn Kim Dung, Huỳnh Xuân Nhật (2014). Dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học tại tỉnh Tiền Giang - vai trò của thời khóa biểu và môi trường học tập. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 59, 60-69.
- Nguyễn Lộc, Phạm Nguyễn Trung Hậu (2021). Một số phương pháp dạy học tiếng Anh theo định hướng học tập trải nghiệm cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, 2(30), 74-82.
- Nunan, D. (1999). *Second Language Teaching and Learning*. Boston: Heinle & Heinle publishers.
- Nunan, D. (2010). *Teaching English to young learners*. Anaheim University.
- Riley, J. (2006). *Language and literacy 3-7: Creative approaches to teaching*. London: SAGE.
- Riley, T. (1999). *The Wiley handbook of reading remediation*. John Wiley & Sons, Inc.